

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022

Khoa: Cơ khí

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp														
1	19C1-BCN1	19		9	47,37	10	52,63	0	0,00	0	0,00	0	0,00	
2	20C1-BCN1	20		0	0,00	0	0,00	3	15,00	17	85,00	0	0,00	
CỘNG 02 Lớp		39	0	9	23,08	10	25,64	3	7,69	17	43,59	0	0,00	0
Ngành: Cắt gọt kim loại														
1	20C1-CKL1	16		0	0,00	2	12,50	4	25,00	10	62,50	0	0,00	
2	20C2-CKL1	23		0	0,00	0	0,00	3	13,04	20	86,96	0	0,00	
CỘNG 02 Lớp		39	0	0	0,00	2	5,13	7	17,95	30	76,92	0	0,00	0
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí														
1	19C1-CCK1	28	1	0	0,00	0	0,00	7	25,00	21	75,00	0	0,00	
2	19C1-CCK2	43		26	60,47	13	30,23	2	4,65	1	2,33	1	2,33	
3	19C1-CCK3	29		0	0,00	1	3,45	6	20,69	22	75,86	0	0,00	
4	19C1-CCK4	43		8	18,60	35	81,40	0	0,00	0	0,00	0	0,00	
5	19C1-CCK5	23		0	0,00	0	0,00	8	34,78	15	65,22	0	0,00	
6	20C1-CCK1	32		0	0,00	2	6,25	3	9,38	27	84,38	0	0,00	
7	20C1-CCK2	37		0	0,00	0	0,00	4	10,81	33	89,19	0	0,00	
8	20C1-CCK3	37		0	0,00	0	0,00	2	5,41	35	94,59	0	0,00	
9	20C1-CCK4	33		0	0,00	3	9,09	7	21,21	23	69,70	0	0,00	
10	20C1-CCK5	32		0	0,00	1	3,13	9	28,13	22	68,75	0	0,00	
11	21C1-CCK1	47		0	0,00	4	8,51	10	21,28	32	68,09	1	2,13	
12	21C1-CCK2	56		0	0,00	1	1,79	3	5,36	51	91,07	1	1,79	

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
13	21C1-CCK3	49		0	0,00	1	2,04	1	2,04	47	95,92	0	0,00	
14	21C1-CCK4	58		1	1,72	3	5,17	8	13,79	38	65,52	8	13,79	
15	19C3-CCK1	26		1	3,85	8	30,77	13	50,00	4	15,38	0	0,00	
16	20C3-CCK1	22		1	4,55	0	0,00	5	22,73	16	72,73	0	0,00	
17	21C3-CCK1	22		0	0,00	0	0,00	2	9,09	20	90,91	0	0,00	
18	21C7-CCK1	33		1	3,03	3	9,09	6	18,18	23	69,70	0	0,00	
19	20C2-CCK1	17		0	0,00	1	5,88	2	11,76	14	82,35	0	0,00	
CỘNG 19 Lớp		667	1	38	5,70	76	11,39	98	14,69	444	66,57	11	1,65	0
Ngành: Công nghệ chế tạo máy														
1	19C1-CTM1	40		0	0,00	1	2,50	16	40,00	23	57,50	0	0,00	
2	20C1-CTM1	39		0	0,00	1	2,56	5	12,82	33	84,62	0	0,00	
3	20C1-CTM2	27		0	0,00	2	7,41	3	11,11	22	81,48	0	0,00	
4	20C1-CTM3	18		0	0,00	0	0,00	5	27,78	13	72,22	0	0,00	
5	21C1-CTM1	34		1	2,94	2	5,88	3	8,82	28	82,35	0	0,00	
6	20C3-CTM1	14		0	0,00	2	14,29	5	35,71	7	50,00	0	0,00	
CỘNG 06 Lớp		172	0	1	0,58	8	4,65	37	21,51	126	73,26	0	0,00	0
Ngành: Chế tạo khuôn mẫu														
1	20C1-CTK1	10		0	0,00	0	0,00	2	20,00	8	80,00	0	0,00	
CỘNG 01 Lớp		10	0	0	0,00	0	0,00	2	20,00	8	80,00	0	0,00	0
Trung cấp														
Ngành: Cắt gọt kim loại														
1	20T4-CKL1	20		1	5,00	2	10,00	5	25,00	12	60,00	0	0,00	
CỘNG 01 IỚP		20	0	1	5,00	2	10,00	5	25,00	12	60,00	0	0,00	0
Ngành: Cơ khí chế tạo														
1	19T4-CKC1	32		0	0,00	2	6,25	10	31,25	20	62,50	0	0,00	
2	19T4-CKC2	18		0	0,00	1	5,56	2	11,11	15	83,33	0	0,00	
3	20T4-CKC1	38		1	2,63	3	7,89	10	26,32	24	63,16	0	0,00	
4	20T4-CKC2	30		0	0,00	1	3,33	10	33,33	19	63,33	0	0,00	
5	21T4-CKC1	38		0	0,00	0	0,00	9	23,68	29	76,32	0	0,00	
CỘNG 05 IỚP		156	0	1	0,64	7	4,49	41	26,28	107	68,59	0	0,00	0

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí														
1	19T4-CCK1	44		0	0,00	4	9,09	17	38,64	23	52,27	0	0,00	
2	20T4-CCK1	43	1	2	4,65	7	16,28	20	46,51	14	32,56	0	0,00	
3	20T4-CCK2	30		2	6,67	5	16,67	15	50,00	8	26,67	0	0,00	
4	21T4-CCK1	31	1	0	0,00	0	0,00	4	12,90	27	87,10	0	0,00	
5	21T4-CCK2	35		0	0,00	4	11,43	7	20,00	24	68,57	0	0,00	
CỘNG 05 LỚP		183	2	4	2,19	20	10,93	63	34,43	96	52,46	0	0,00	0
Ngành: Công nghệ chế tạo máy														
1	21T4-CTM1	35		0	0,00	3	8,57	7	20,00	25	71,43	0	0,00	
CỘNG 05 LỚP		35	0	0	0,00	3	8,57	7	20,00	25	71,43	0	0,00	0
42	TỔNG CỘNG (42 LỚP)	1321	3	54	4,09	128	9,69	263	19,91	865	65,48	11	0,83	0

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện

- Từ XS, Tốt, Khá trở lên	445	33,69	- Từ TB trở lên	1310	99,17
- Trung bình	865	65,48	- Yếu	11	0,83
- Yếu	11	0,83			

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh